

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 06 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Nhân.

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 06 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/QĐST-DS ngày 17/05/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Hồng Th, sinh năm: 1985

- Bị đơn: Anh Lê Thế M, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Xóm a, thôn X, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; anh M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị Hồng Th, trình bày:

Vào năm 2004, chị Th kết hôn với anh Lê Thế M và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/03/2004. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu thì hai vợ chồng phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, anh M không có trách nhiệm với vợ con và còn có hành vi bạo hành nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải tỏa được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thế M.

Về con chung: Chị Th trình bày chị và anh M có 03 con chung tên là Lê Văn C, sinh ngày: 22/11/2013; cháu Lê Văn B sinh ngày: 18/03/2006 và cháu Lê Văn V, sinh ngày: 16/03/2005. Hiện nay các cháu C, cháu B, và cháu V đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu C, B, V; chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trình bày, ý kiến của anh Lê Thế M:* Bị đơn anh Lê Thế M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản xác minh ngày 16/11/2020 về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện sống của vợ chồng anh M và chị Th:* Hội phụ nữ xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh M vì không nghe chị Th, anh M có đơn thư phản ánh hay báo trực tiếp với Hội nhờ can thiệp cũng như Chi hội phụ nữ thôn X báo về trường hợp này.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý do. Vì vậy, bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Hồng Th. Đối với 03 con chung là cháu tên Lê Văn C, sinh ngày: 22/11/2013; cháu Lê Văn B sinh ngày: 18/03/2006 và cháu Lê Văn V,

sinh ngày: 16/03/2005. Hiện nay cháu C, cháu B và cháu V đang sống chung với chị Th. Căn cứ theo nguyện vọng của các cháu khi chị Th và anh M ly hôn các cháu muốn được sống chung với chị Th và hiện tại anh Lê Thế M hay đau ốm, không có công việc làm ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu C, B, V cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Thế M hiện tại có chỗ ở tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Lê Thế M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 29/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05/11/2020; Thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ 54/TB-TA ngày 18/12/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 55 /TB-TA ngày 18/12/2020; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 98/TB-TA ngày 08/01/2021; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 103/TB-TA ngày 28/01/2021; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số: 117/2021/QĐST-DS ngày 05/03/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 26/04/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/QĐST-DS ngày 17/05/2021, nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thế M và chị Đoàn Thị Hồng Th là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Hồng Th và anh Lê Thế M tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh M là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị Th và anh M có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị Th và anh M đã

sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh M làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị Th và anh M đoàn tụ, nhưng anh M không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh M không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của chị Th là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Hồng Th, cho chị Đoàn Thị Hồng Th được ly hôn với anh Lê Thế M là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Th và anh M có 03 con chung tên là Lê Văn C, sinh ngày: 22/11/2013; cháu Lê Văn B sinh ngày: 18/03/2006 và cháu Lê Văn V, sinh ngày: 16/03/2005.

Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu C, cháu B và cháu V hiện đang được chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; các cháu C, cháu B và cháu V có nguyện vọng khi chị Th và anh M ly hôn cháu xin được ở với chị Th. Hiện tại anh M hay bị đau ốm, không có việc làm ổn định còn chị Th đang làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi nên chị Th yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu C, cháu B và cháu V còn anh M không có lời khai nên không xác định được ý kiến của anh M có yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con hay không. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của các cháu C, cháu B và cháu V. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Hồng Th, giao các cháu C, cháu B và cháu V cho chị Đoàn Thị Hồng Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Thanh không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Mỹ vắng mặt nên không có ý kiến.

Về nợ chung: Chị Th trình bày không có, anh M vắng mặt nên không có ý kiến.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Đoàn Thị Hồng Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Hồng Th, chị Đoàn Thị Hồng Th được ly hôn với anh Lê Thế M.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên là Lê Văn C, sinh ngày: 22/11/2013; cháu Lê Văn B, sinh ngày: 18/03/2006 và cháu Lê Văn V, sinh ngày: 16/03/2005 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Thế M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị Th và anh M có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Hồng Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005628 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Hồng Th và anh Lê thế M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã N, huyện TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

